**\*Dung hợp văn hóa Đông – Tây**

Vốn là mạch ngầm chảy trong tâm thức con người, văn hóa được kết tinh qua bao đời, qua bao thế hệ và làm nên hồn cốt của mỗi người trong cõi hiện tồn. Dòng chảy miên viễn ấy chưa bao giờ đứt mạch, qua bao khúc ngoặt rẽ lại tiếp nhận thêm những luồng văn hóa mới để trở thành cái “bè dung hợp” giữa các sắc màu vừa tiếp biến vừa đan kết vào nhau. Mang cái chất phương Đông thấm đẫm ở nhà thơ của núi rừng Thái Nguyên – vùng đất văn hóa thiêng liêng, thơ Nguyễn Bình Phương đậm chất phương Đông bí huyền, trầm mặc với tinh thần thiền – lối mở vào đời sống tâm linh. Đồng thời, việc tiếp cận văn hóa phương Tây một mặt như quy luật tiếp biến văn hóa của thời đại, mặt khác với cái tạng thơ ưa “trôi dạt”, “xê dịch” vào miền tâm giới, nhà thơ đã dung nạp văn hóa phương Tây hiện đại như một công cụ đắc lực để khai thác hiện thực sống, cõi bí ẩn của con người. Vì thế, có sự dung hợp văn hóa Đông Tây - liên văn bản văn hóa, văn học trong thơ Nguyễn Bình Phương. Trên mảng “không gian đa chiều” chằng chịt các mối dây đan bện của nhiều nền văn hóa mà trong đó chất phương Đông là “mạch rễ”, dòng thi cảm phương Tây hiện đại chảy qua và kết tinh thành mảng màu lóng lánh, góp phần thể hiện cảm quan con người hiện đại và sự vươn tới chân trời văn chương bất tận để lí giải cùng tận nỗi niềm nhân thế.

Toàn bộ thi giới Nguyễn Bình Phương phảng phất chất phương Đông bí huyền của những tập tục, tín ngưỡng văn hóa dân gian. Cũng như nhiều tiểu thuyết, bối cảnh không gian dùng để khai triển văn hóa mạch nguồn đó là làng quê, núi rừng mà cụ thể là làng Phan, Linh Sơn, thị xã nhỏ…Toàn bộ kiến trúc làng giữ nguyên trong sự khép kín của văn hóa làng xã mà cơ tầng của nó là mô hình đầy đủ với sông, núi, chùa, miếu, đền, vườn, nhà…vận hành theo triết lý âm dương ngũ hành: kim – thủy – mộc – hỏa – thổ. Cái vẻ thanh trong, yên bình cùng sinh hoạt bao đời được ghi lại trong thơ Nguyễn Bình Phương đã gợi được hồn quê Việt Nam tự thuở nào làm người đọc không khỏi man mác nỗi niềm cố hương: “*Thị xã nhỏ và xám/ Chợ mở phiên hai ba hai tám/ Nón lá trong veo” (****Thái Nguyên****).* Cùng với đó là chất im ắng, trầm mặc muôn đời như phủ lớp sương khói mơ hồ của miếu thờ linh nghiêm, “rừng đen ngùn ngụt khí thiêng”, “âm u dải khói lam chiều” và bàng bạc trong “tiếng chuông rền bốn cõi”. Nhịp sống như chậm lại, u uất, con người mang khuôn mặt hoài niệm về quá khứ đã qua với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên: “*Ai ơi tới kinh kì/ Mang theo bát nhang tiên tổ”* (***Chạm mặt***) nhưng cũng vì thế mang gánh nặng định kiến làm mòn mỏi, suy tàn bao mơ ước: “*Bốn chữ vàng mang cả hoàng hôn ngự trên bàn thờ để cháu con suốt đời trằn trọc mãi*” (***Khách***). Nơi ấy có niềm tin âm ỉ về thế giới bên kia: “*Ngực đồi già lau lách bỏ hoang/ Nghe trong đất lời tiên tri huyền bí*”, một thế giới tồn tại sau cõi sống với “*ma về qua ngõ làm đời thanh xuân*”, không thôi thổn thức bởi đêm trú trớ rùng mình với “*Ma quỷ nhập quanh giường/ Nghiêng trôi bồng bềnh*” (***Thái Nguyên***).

Cùng với tinh thần Phật giáo nhập thân, triết lí về sac-na, sắc – không thoắt ẩn trong đời, nhà thơ quan niệm: *“Ngày vàng mã đang dần tàn lụi/ Chớp mắt tàn cả những cuộc chơi”* (***Đề từ cho một bức ảnh đen trắng***); qua cái “hoàng hôn” của đời người, mọi thứ sẽ hóa vào lãng quên và “*tuồng như sống cũng chỉ là rơi/ Chỉ là dăm ba tiếng gọi/ Hớt hơ trên những chia lìa”* (***Bài thơ ngày đang ốm***). Cuộc đời con người ngắn ngủi nhưng không khác gì cuộc lưu đày trần ai mà thuyết tứ diệu đế của Phật từng bàn đến: đời là bể khổ - *“Những đàn chiền chiện đeo gông/ Lê lết đường đi đày biệt xứ*” *(****Ngỏ lần ba).*** Và dòng đời cũng như dòng sông, những dòng sông hiện hữu trong những nền văn minh sơ khai của loài người – được tôn niệm với niềm tin tôn giáo thiêng liêng đã trở thành “mê hà” trong cảm thức con người phương Đông luôn ẩn mình trong những dòng thơ của Nguyễn Bình Phương khi chiêm nghiệm về cõi sống. Đôi lúc nhà thơ chừng như muốn làm con sông “chảy sang bên kia giấc ngủ”, sang bên kia bờ thực - hư, sang bên kia thơ, và sang bên kia chính bản thân mình, như loài người hằng hi vọng sau thế giới này là thế giới bên kia: “*Mơ những điều không ai mơ / Sông đã chảy sang bên kia giấc ngủ / Em tỉnh dậy trời xanh thành người lạ”* ***(Thơ ngắn về em).*** Cuộc vượt thoát hiện thực ấy tựa như ánh sáng bước qua trang sách, như gió bước qua mào gà, sét bước qua cổ thụ, như bản thân anh bước qua “chiếc áo ngủ điêu tàn”. Giữa cõi ta bà, hành trình sống không hề dễ dàng, “mê hà” khó vượt, vì thế nhà thơ đã không ngừng trăn trở về được – mất, có – không trong đời “*Và ngồi lại bên sông một mình/ Anh đã chảy rất xa rồi đấy” (****Tuổi bốn lăm ngồi cạnh sông****).*

Mang tinh thần thiền, cảm thức thơ Nguyễn Bình Phương luôn hướng đến sự sống nhỏ nhoi, những vẻ đẹp mong manh, trân trọng từng khoảnh khắc của sự sống. Trong sự tĩnh tâm, hòa nhập với thiên nhiên, từng chuyển động của sự vật được ghi nhận và những biên độ giao thoa trong thế giới giữa con người – tạo vật được nới rộng đến vô cùng: “*Trong giấc ngủ mỉm cười/ Em nghe doi ngoài vườn đang chín, nghe bầu trời hóa thạch chảy tràn ra bốn phía/ Lời thì thầm hồn tiên đeo quanh song cửa sổ”* (***Ngỏ lần ba***). Cảm giác nghiêng trôi bồng bềnh với cái nghiêng tai rất nhẹ và tạo vật trong sự vận động của nó đã đánh thức tâm hồn chúng ta về những khoảnh lặng thật bình tâm giữa cuộc sống phồn tạp.

Hành trình về phương Đông đã được thực nghiệm rõ nét trong thơ Nguyễn Bình Phương với sự khủng hoảng niềm tin về cách lí giải duy lí của phương Tây về thế giới bất toàn. Phương Đông trầm mặc, u linh nhưng văn hóa ấy luôn gắn với đạo đức, tâm linh, là bến neo giữ tâm hồn, lương tri con người và đó là điều vô cùng cần thiết cho con người hiện đại. Nhưng khi muốn lí giải sự phức tạp trong đời sống con người hiện đại, văn hóa phương Tây lại cấp cho nhà thơ những phương tiện dò tìm vào những tầng sâu ấy. Những thay đổi về quan niệm sáng tác từ sau đổi mới nhằm đào sâu hiện thực với những bề bộn, phức tạp của đời sống, khám phá thế giới bên trong tâm hồn con người, đặc biệt đi sâu vào vùng vô thức nhiều bí ẩn trong cơ cấu tinh thần, các nhà thơ đã tìm đến chủ nghĩa siêu thực, tượng trưng trong sáng tác. Với khát vọng sáng tác thơ là nhằm phát hiện một thực tại đầy đủ hơn thứ hiện thực đời sống đã được bàn tay con người cố tâm nhào nặn và diễn tả, đồng thời khai vào “vùng tối” bí ẩn của con người, thơ Nguyễn Bình Phương mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa siêu thực, tượng trưng. Chủ nghĩa siêu thực là một khuynh hướng văn học nghệ thuật hiện đại, xuất hiện vào những năm đầu thế kỷ XX ở Pháp, sau đó lan rộng ra nhiều  nước khác trên toàn thế giới mà cơ sở của nó là triết học trực giác của Bergson, phân tâm học của Freud, đồng thời có sự gần gũi với tư tưởng thiền phương Đông. Chủ nghĩa siêu thực chủ trương luôn mở rộng phạm vi hoạt động của trí tưởng tượng, đề cao yếu tố trực cảm, chủ trương khai thác, định hình thế giới bằng mộng, bằng suy tưởng, bằng sự dẫn đường của cả tâm lý lẫn tư duy. Với các nhà siêu thực, khi kêu gọi giải phóng cái tôi khỏi “gông cùm lý trí”, họ tin tưởng hiện thực chân thực nhất chính là hiện thực đang nằm trong thế giới tinh thần, thuộc về cõi vô thức, trực giác thay vì hiện thực có được nhờ quan sát của ý thức và suy luận logic – sản phẩm quái gở của văn minh tư sản gây kìm hãm khả năng sáng tạo của con người.

Có thế thấy, dấu ấn của đời sống vô thức, tâm linh khá đậm nét trong thơ Nguyễn Bình Phương. Nhà thơ đề cao vô thức trong sáng tạo và ghi nhận tạo vật ở trạng thái nguyên ủy của nó. *“Này lính cũ mũ rơm cài hoa cải/ Loạt đạn say sưa ngủ trước cổng thành/ Gồi Thái Nguyên vừa đập cánh vừa lạnh/ Những bà mụ xòe tay đỡ buổi sáng yên lành/ Trong giọng nói có đàn ngựa bạch/ Đàn ngựa vào ra quanh quẩn tháng ba/ Bóng vẫn hiện giữa ngôi nhà bỏ trống” (****Những trận chiến cài hoa*); *“****Đêm nay nước mắt giáng trần/ Con đom đóm nhỏ xíu đêm nay lạc mẹ/Ngủ nhờ giấc ngủ trẻ con/ Cho người Thái Nguyên/Không giày dép không áo quần/Trẻ con ùa ra từ mẹ/Và mặt trăng tết bằng rơm bị cháy”* ***(Không đề).*** Mượn thế giới siêu thực như một phương thức tái hiện đặc thù, nhà thơ làm cuộc hành trình bay vào thế giới tâm linh, vô thức, tìm kiếm trong cái xa xôi của trực giác, tưởng tượng… và thoát ra thành những lời thơ ma mị, hút hồn mà vẫn giàu tính thẩm mỹ. Nói về sự ra đi của bông cải cúc, Nguyễn Bình Phương đã gợi ấn tượng thật nhẹ mà bí huyền của sự chuyển giao sự sống – cái chết, ranh giới thật mong manh cơ hồ chỉ là lằn ranh mỏng mà không thể nào chạm được nếu không tìm đến địa hạt của thế giới tâm linh, của những tưởng tượng ảo giác: “*Ở trong khu rừng ma/ Có những con hươu ma/ Chết nở một nụ cười sáng nhẹ/ Chẳng vĩnh biệt em chẳng tiễn biệt ai/ Từ tốn mơ màng/ Hoa cúc cải ra đi”* (***Nhẹ).***

Thơ Nguyễn Bình Phương được xây dựng trên những hình ảnh rời rạc với những kì dị, khác thường dường như không có chút liên hệ nào với nhau, chỉ là những bản tốc kí những gì “vụt hiện” ra trước mắt hoặc đến từ tiềm thức, vô thức. Nhiều bài thơ có sự “nhảy cóc”, đứt đoạn, phi logic của hình ảnh thơ khiến người đọc lạc vào “kết cấu hỗn loạn” không tìm được lối ra: “*Máu đứt dây cương/ Lồng lộn phi nước đại…/ Cây cầu này tự hủy mình/ Chiếc cốc thủy tinh này vỡ/ Mặt bàn này in mặt ma/ Cười nhăn nhỏ/ Đánh đắm giọt mực vào thớ gỗ”* (***Ngõ lần hai*)** hay**:** *“Và đuôi mắt bốc hơi/ Và đám ma lập lòe đi trên mặt nước/ Tất cả cùng rũ đầu/ Ngắm mặt mình lẫn với rong rêu”****(Đi đêm (III)).*** Đó là gì không ngoàinỗi ám ánh về sự đổ vỡ, cái xô lệch đầy bất trắc hay về sự mờ nhòa bóng hình, dự cảm rũ buồn về sự tan biến, hư vô. Những đứt đoạn  của những cái ngẫu nhiên, phi lý, phi logic trong hình ảnh, ngôn ngữ thơ, thực tế cũng là cách thức độc đáo, giúp nhà thơ nhìn rõ hơn về những ngổn ngang của đời sống hiện đại.

Cùng siêu thực, dấu ấn chủ nghĩa tượng trưng cũng góp phần làm nên thế giới khác lạ, ma mị, hấp dẫn cho thơ Nguyễn Bình Phương. Nhà thơ đã vận dụng nguyên tắc mỹ học của chủ nghĩa tượng trưng đó là sự tương giao, tương hợp trong sáng tạo nghệ thuật để chuyển tải tận sâu vẻ đẹp bên trong của tạo vật và sự ghi nhận giác quan của con người. Baudelaire quan niệm: Vũ trụ là một thể thống nhất, trong đó tất cả đều tương ứng với nhau. Có sự tương ứng giữa tự nhiên và cái siêu nhiên, có sự tương ứng giữa thế giới này với thế giới đằng sau đầy bí ẩn, đặc biệt là sự tương ứng giữa các giác quan. *“Có những mùi hương mát như da thịt trẻ con, ngọt ngào như tiếng sáo, xanh mượt như cỏ non” (****Baudelaire - Tương ứng****)*. Trong thơ Nguyễn Bình Phương có cả một miền hiện thực kì ảo, mỏng manh, ẩn chứa những trạng thái mơ hồ ngỡ như không thể nắm bắt, được tái hiện qua các động thái tinh nhẹ của các giác quan: nghe âm thanh “nhạc ngựa thoang thoảng”, nghe thời gian “động tiên nghe đá già”, nghe tâm trạng “nghe ngàn đêm hoa thức”, nghe sự vận động viên mãn “đêm nằm nghe doi chín trong vườn”, nghe sự tan vỡ nhoi nhói “tiếng rụng vỡ tan tành của quả”, nghe cái chạm vào thinh không thật nhẹ “và tiếng trăng va xuống cỏ mơ màng”, cả cái nghe rất riêng tây “đi nghe trong tưởng tượng”. Một sự “thức nhọn các giác quan” bừng dậy trong thi giới và người thơ thực hiện bước chuyển di thật nhẹ qua làn ranh tương giao, chuyển hóa màu nhiệm của các giác quan đó. Nếu không có sự lắng nghe của miền nội giới, sự tĩnh tại của tâm hồn, loại bỏ những tạp niệm trong sự thông tuệ thì lẽ nào có được cái tinh tế, riêng tư khi khai mở cái kì diệu trong lòng tạo vật. Điều này có sự gặp gỡ với cảm thức thiền phương Đông. Hay cùng với văn hóa phương Tây, chất thiền phương Đông thấm trong cách nhà thơ tri nhận về thế giới và giữ tâm an yên để sục vào lòng tạo vật, tri nhận cái đẹp khoảnh khắc của sự tàn – nở, và để được lắng nghe chính mình “hướng vào nội tâm, là nơi mà bình an, mãn nguyện và sức mạnh ta hằng tìm kiếm vốn đã có sẵn” [tr. 30].

Với sự cố gắng thể hiện một thế giới mới nằm ẩn dấu đằng sau thế giới hiện thực, đem lại cho tinh thần một sức mạnh đặc biệt là khả năng nhìn thế giới không giống như nó hiện hữu mà ở chỗ nó lộ ra bằng những loại suy bất ngờ giữa những cảm giác và trong sự tương hợp sâu xa giữa cái có thể nhìn thấy, cảm tính và cái tinh thần ẩn dấu bên trong, thơ siêu thực – tượng trưng có khả năng gợi dẫn bằng những ấn tượng bất ngờ. Những phương tiện nghệ thuật tăng cường tính gợi dẫn đó chính là màu sắc, thanh âm, hình khối. Thơ Nguyễn Bình Phương không thiếu sự khơi gợi thẩm mĩ đặc biệt ấy với: “*Một chiếc lá vàng/ Một vầng trăng/ Một khuôn mặt xanh/ Một chiếc lá”* (…) *Một dải cầu vồng trắng đen/ Một bụi cây không gió”* (***Tặng em***) ; “*Bay cao vượt qua những vì sao qua cái nhìn le lói/ Màu hung cô đơn ngày thứ Bảy dịu dàng/ Không còn trời màu ngọc vang vang/ Màu hồng quên lãng và khoan hòa”*. Đó còn là sự chuyển đổi cảm giác thật tinh diệu: *“Thiếu phụ quay đi xanh mơ màng/ Bỏ lại hồ thẳm xanh/ Tiếng xanh/ Giữa vòm cây mận trắng/ Cơn sốt dậy sắc hồng run rẩy*” (***Tiếng lạ***) – bản nguyên hiện thực sống được trở mình trên trang giấy bằng sự nhạy cảm, tinh tế của cái tôi nội tâm đã phát lộ được cái cựa mình bí huyền trong lòng tạo vật. Ở đó, có cái mơ màng của lòng người, cái vẩn lên âm thanh nhẹ êm, thanh trong của nước hồ, sự dậy sắc đầy run rẩy của một cơn sốt bên trong; đâu đó còn là sự tan loãng trải dài nhẹ thênh như thinh không, êm mềm như nhung lụa của cảm giác: “*Mang xống áo mùa thu/ Làm mùa thu/ Nhớ giấc ngủ ngàn thu trong đài sen úa/ Nhớ giọng nói mềm mại như bóng râm/ Chảy vào căn nhà đổ”* (***Bài mùa thu đầu tiên****).*

Và trong tinh thần phương Đông của những bí ẩn, kì ảo, thơ Nguyễn Bình Phương đã cho thấy mặt giao cắt văn bản vừa vô thức vừa ý thức với văn chương hiện thực huyền ảo châu Mĩ La Tinh (Magic realism). Một trào lưu văn học với nguyên tắc sáng tác là tìm ra “tính hiện thực của cái huyền diệu” đã tạo nên những cảnh tượng li kì, hư ảo, vừa có những chi tiết và hoàn cảnh hiện thực vừa gây cho [người đọc](https://tudienwiki.com/nguoi-doc/) cảm giác về các hiện tượng nghịch lí. Để gây hiệu quả hoang đường, các tác giả thường sử dụng hình tượng biểu trưng, ngụ ý, liên tưởng, ám thị, phóng đại, khoa trương, người và hồn ma bất phân, trật tự thời gian bị xáo trộn, thực và ảo hòa quyện. Cái “cõi lạ” trong thơ Nguyễn Bình Phương toát ra từ hiện thực đậm chất văn hóa Việt nhưng lại gợi cảm giác về nơi đâu khác không tường tận được bởi có lắm cái “phi thực” trong ấy: “*Vào giữa trưa/ Tôi gieo bốn hạt giống xuống chân giường/ Mọc lên bốn dây leo ố vàng/ bốn con long xà múa lượn/ thì thầm hé mở về thế giới thanh tao ngay giữa lòng/ thế giới ngập nguạ đốn mạt đã bị giải thiêng này*” (***Về trời****);* “*Làng bao nhiêu đất/ Dáng nhà nằm thiếp dưới hơi trăng/ Điều gì kia/ Trú trớ/ Rùng mình/ Khuya khoắt thế còn lội ngoài đồng vắng/ Vệt lân tinh nhẹ bẫng”* (***Làng Phan****);* bằng cái kì ảo, tác giả đã gây ra ảo giác đầy ám ảnh, đáng sợ cho nhân vật mình: *Bằng mắt/ Thằng con trai thấy người yêu từ xa/ Và người bị xóa trắng/ Bằng mắt/ Nhìn thấy lửa reo hò nhảy múa/ Con Công tự cháy/ Một hòn than đen/ Cười man dại*” (***Thác***), và thế giới âm rợn người gợi ám ảnh về sự sống – cái chết với*:“Con đom đóm về/ Cây Cậm Cam về/ Về/ Tất cả/ Để lại hằng hà vết chân mờ sáng/ Ngược đường máu chảy (…) Rạng đông đưa ra/ Bóng một người ngự bóng một đám mây/ Tạc vĩnh cửu vào nền trời hư ảo/ Đây:/ Khách của trần gian”* *(****Về trời****”).* Cái ảo giác có thật từ nỗi lo sợ, bất an của kiếp sống hay dự phóng về cái chết, về cõi âm để được thực chứng sự tồn tại?

Văn bản - không gian hội tụ “những lối viết” và tác giả đã “bị lờ đi” khi ghi chép lại những “trích dẫn” trong văn bản trước đó – nền văn hóa nhân loại. Sự hiện diện của văn hóa trong văn bản văn học là điều hiển nhiên bởi “không gì nằm ngoài văn bản”, nơi những diễn ngôn đã được nói trước đó, trong một ngữ cảnh nào đó. Đồng thời, sự dung hợp các yếu tố văn hóa Đông – Tây trong thi giới Nguyễn Bình Phương như một khuynh hướng nhằm giúp nhà thơ tiếp cận mạch ngầm của cuộc sống và tìm thấy “những tư tưởng nguyên ủy”. Những đổ vỡ của trật tự thế giới với những bất an của lòng người đã khiến hành trình về phương Đông không bao giờ đứt mạch và bằng ý thức vươn đến phương Tây, thơ hiện đại mới có thể giải mã hết những bề mặt chồng lớp phức điệu trong “khuôn mặt” con người hiện đại. Cuộc gặp gỡ Đông – Tây đã thể hiện lối tư duy dung hợp “liên văn bản” của nhà thơ khi lí giải hiện thực và tìm thấy bản ngã đồng thời cung cấp cho người đọc những “trích dẫn” để khám phá những vỉa tầng sâu kín của văn bản thơ.